



fá wèi

乏味

adjective · boring, dull

Example Sentences

Zhè bù diàn yǐng tài fá wèi le wǒ chà diǎn shuì zháo
这部电 影太乏味了，我差点睡着。

This movie is too boring; I almost fell asleep.

Tā de yǎn jiǎng nèi róng hěn fá wèi
他的演 讲内 容很乏味。

The content of his speech was very dull.

Trace each character, then write the word on your own.

乏	乏	乏	乏	乏	乏	乏													
味	味	味	味	味	味	味	味	味	味	味	味								